

**KỶ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)**

Khoá ngày: 23/09/ 2018
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 1-Phòng máy 1: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
1	1CB01	Phan Thị Thúy	Anh	01/06/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
2	1CB02	Tổng Hoàng Việt	Anh	14/03/1993	Long An	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
3	1CB03	Nguyễn Phước	Duy	29/06/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
4	1CB04	Dương Tú	Duy	18/02/1986	Bạc Liêu	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
5	1CB05	Huỳnh Hiếu	Đình	04/09/2003	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
6	1CB06	Nguyễn Thị Trúc	Giang	20/05/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
7	1CB07	Nguyễn Thị Kiều	Hạnh	08/08/1992	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
8	1CB08	Trần Thanh	Hạnh	26/07/1972	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
9	1CB09	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	20/10/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
10	1CB10	Mạch Thị Chiêu	Hiên	30/08/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
11	1CB11	Hồ Tấn	Hòa	25/04/1995	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
12	1CB12	Tổng Thị Phương	Mai	17/09/1985	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
13	1CB13	Nguyễn Thị Hoàng	Nam	19/08/1983	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
14	1CB14	Trương Tổ	Nga	10/08/2006	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
15	1CB15	Phạm Quỳnh Bảo	Ngọc	09/09/2007	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
16	1CB16	Hà Yên	Nhi	14/09/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
17	1CB17	Nguyễn Thị	Nhung	17/07/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
18	1CB18	Võ Kiều Văn	Phước	09/11/1995	Lâm Đồng	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
19	1CB19	Nguyễn Đức	Phương	05/04/1990	Quảng Nam	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
20	1CB20	Phạm Thị Mỹ	Quyên	02/10/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
21	1CB21	Lê Minh	Tấn	19/05/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
22	1CB22	Nguyễn Hoàng	Tuấn	24/05/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
23	1CB23	Bùi Trần Vũ	Tường	24/02/2007	TP.HCM	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
24	1CB24	Nguyễn Phương	Tường	30/06/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
25	1CB25	Trương Kim	Thiên	28/12/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
26	1CB26	Nguyễn Anh	Thư	02/11/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1: 9 giờ 30 - Cơ Bản									
27	2CB01	Lê Thị	Diệu	17/01/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
28	2CB02	Nguyễn Thúy	Duy	22/07/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
29	2CB03	Lương Ngọc	Hải	18/09/2003	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
30	2CB04	Võ Thị Bích	Hằng	01/02/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
31	2CB05	Phạm Ngọc	Hiên	24/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
32	2CB06	Nguyễn Huỳnh	Huy	06/05/2002	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
33	2CB07	Lê Thị Cẩm	Hương	10/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
34	2CB08	Phan Thị Thiết	Kiều	19/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
35	2CB09	Nguyễn Thê	Loan	05/01/2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
36	2CB10	Bùi Hoàng	Long	25/02/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1

Sтт	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
37	2CB11	Trương Ngọc	Mai	16/12/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
38	2CB12	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
39	2CB13	Huỳnh Thụy Giáng	Ngọc	27/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
40	2CB14	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	23/04/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
41	2CB15	Dương Cẩm	Tú	21/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
42	2CB16	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	21/09/1999	TP.HCM	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
43	2CB17	Lê Thị Mộng	Tuyền	19/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
44	2CB18	Mai Thị Thu	Thảo	23/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
45	2CB19	Hà Thị Quyền	Trâm	03/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
46	2CB20	Trần Phương	Trúc	05/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1:					9 giờ 30 - Nâng Cao				
47	2NC01	Nguyễn Thanh	Loan	21/04/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
48	2NC02	Trần Thu	Ngọc	06/09/2005	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
49	2NC03	Nguyễn Đức	Trọng	20/02/2004	Long An	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1

Danh sách có 49 thí sinh đủ điều kiện dự thi
Trong đó có 46 thí cơ bản và 03 thí nâng cao

TP Tây Ninh, ngày 18 tháng 09 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Lệ Uyên